

Bản án số: 88 /2020/HNGĐ-ST

Ngày: 14 / 08/2020

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền

Các hội thẩm nhân dân : Bà Công Thị Minh Lợi

Bà Trần Thị Thu Hạnh

- Thư ký phiên tòa: Đinh Thúy Hương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

-Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Trịnh Thu Tân - Kiểm sát viên

Ngày 14 tháng 08 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 115/2019/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 7 năm 2019 về việc: “*Tranh chấp Hôn nhân và gia đình*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:

30/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 02 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số: 154/QĐ-PT ngày 20 tháng 03 năm 2020,

giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Thành Q, sinh năm: 1973

Địa chỉ: Số 6 Ngách 124/51 V, phường V, quận H, thành phố Hà Nội

- Bị đơn: Chị Phan Thị Minh H, sinh năm: 1970

Hộ Khẩu : Số 6 ngách 49 Q , C , Đ , Hà nội

Hiện ở: 3 F ,No.65 , S,TAiPEI, Đài Loan.

Xin xử vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn xin ly hôn và bản tự khai, anh Nguyễn Thành Q trình bày:

Về tình cảm: Anh Nguyễn Thành Q và chị Phan Thị Minh H kết hôn ngày 16/2/1996 tại UBND phường C, quận Đ, Hà Nội. Sau khi kết

hôn, anh chị sống với nhau hạnh phúc. Một thời chung sống, vợ chồng anh Q bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm. Năm 2003, chị H đã đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan từ đó đến nay không về Việt Nam. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, cả hai bên đều không quan tâm chăm sóc lẫn nhau nên anh Q đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị H.

Về con chung: Anh Q và chị H có 01 con chung là cháu Nguyễn Tuyết L sinh ngày 09/08/1998. Con đã trưởng thành và hiện đang sinh cùng anh Q

Về tài sản chung: Anh chị tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về khoản nợ chung: Anh chị hiện nay không nợ ai và không cho ai vay nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Anh Q tự nguyện chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

*** Bị đơn chị Phan Thị Minh H trình bày :**

Đối với đơn ly hôn của anh Q, chị đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung là cháu Nguyễn Tuyết L sinh ngày 09/08/1998. Cháu L đã đủ 18 tuổi nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản: Căn nhà tại số 6 ngách 124/5 V, phường V, quận H, Hà Nội là của chị H do vay mượn của mẹ, anh chị em bạn bè để tạo dựng lên. Chị H đề nghị để căn nhà đó cho Cháu L hoặc để lại chờ chị về giải quyết.

Về nợ chung: Anh Q và chị H không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, nguyên đơn trình bày

Anh Nguyễn Thành Q không có ý kiến, giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Chị Phan Thị Minh H có đơn xin vắng mặt.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm xét xử đã thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70 và Điều 71 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Chị H hiện đang làm ăn sinh sống tại Đài Loan nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội .

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Nguyễn Thành Q và chị Phan Thị Minh H. Căn cứ điều 51, điều 53, điều 56 Luật Hôn nhân gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn.

Về con chung : Anh Chị có 01 con chung là cháu Nguyễn Tuyết L sinh ngày 09/08/1998. Cháu L đã đủ 18 tuổi nên không xem xét.

Về tài sản chung, tài sản riêng, đất thổ cư, đất nông nghiệp, công sức, công nợ: Không yêu cầu tòa giải quyết không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị H hiện đang là việc tại nước ngoài nên căn cứ điều 37 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 thuộc thẩm quyền Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội giải quyết.

[2] Về nội dung vụ án, đây là vụ án Hôn nhân và gia đình về ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Xét đơn xin ly hôn ngày 12/7/2019 của anh Nguyễn Thành Q: Hôn nhân của anh Nguyễn Thành Q với chị Phan Thị Minh H, Hội đồng xét xử thấy: Anh Q và chị H kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện có đăng ký kết hôn năm 1996 tại UBND phường C, quận Đ, thành phố Hà Nội, đây là cuộc hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng sinh được 01 con chung. Quá trình chung sống của anh Q và chị H chỉ được một thời gian. Sau đó, cuộc sống vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, tình trạng hôn nhân căng thẳng kéo dài và không thể tìm được tiếng nói chung, không giải quyết được những mâu thuẫn sau một thời gian nỗ lực hàn gắn. Năm 2003, chị H đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan từ đó đến nay chưa về Việt Nam. Hai bên xác nhận tình cảm vợ chồng không còn nên cả hai thống nhất ly hôn. Xét thấy mục đích hôn nhân không đạt đời sống chung không tồn tại anh chị thống nhất ly hôn, Hội đồng xét xử căn cứ điều 55, điều 56 Luật Hôn nhân gia đình 2014 chấp nhận thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Thành Q và chị Phan Thị Minh Hương.

Chị H có đơn xin vắng mặt và yêu cầu Tòa án giám định chữ ký ngày 28/6/2020. Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã ra quyết định trưng cầu giám định. Phòng giám định kỹ thuật hình sự - Bộ Quốc phòng đã có kết luận giám định ngày 29/7/2020 kết luận chữ ký trong

đơn xin vắng mặt là của chị H. Như vậy, nguyện vọng ý kiến của chị H gửi đến Tòa án đúng quy định tại điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về con chung: Vợ chồng chị H có 01 con chung là cháu Nguyễn Tuyết L sinh ngày 09/08/1998. Cháu L đã đủ 18 tuổi nên Hội đồng xét xử không xét.

Về tài sản chung, tài sản riêng, đất thổ cư, đất nông nghiệp, công sức, công nợ: Không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xét.

[3] Về án phí Hôn nhân và gia đình: Theo quy định tài khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, anh Q phải chịu toàn bộ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng.

[4] Về kháng cáo: Các bên đương sự có quyền kháng cáo căn cứ theo điều 70, điều 273, 479 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điều 146, 147, điều 271, 273, 476, 477, 479 *Bộ luật tố tụng dân sự*

Căn cứ vào Điều 56, của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Nguyễn Thành Q với chị Phan Thị Minh H

[2] Về con: Xác nhận anh Nguyễn Thành Q và chị Phan Thị Hương có 01 con chung là Nguyễn Tuyết L, sinh ngày 09/08/1998. Cháu L đã trưởng thành nên Tòa không xét.

[3] Về nhà ở: Không yêu cầu nên Tòa không xét. Nếu sau này các đương sự có yêu cầu thì sẽ giải quyết bằng vụ việc dân sự khác.

[4] Về nợ: Không có. Không yêu cầu nên Tòa không xét.

[5] Về án phí: Anh Q phải chịu án phí 300.000 đồng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp đủ theo biên lai số AA/2018/0013423 ngày 16/07/2019 tại Cục thi hành án dân sự thành phố Hà Nội.

Bản án sơ thẩm tuyên có mặt anh Nguyễn Thành Q và vắng mặt chị Phạm Thị Minh Hương. Anh Nguyễn Thành Q có quyền kháng cáo bản

án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Phạm Thị Minh Hương có quyền kháng cáo trong hạn 30 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc được niêm theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- *Đương sự;*
- *VKSND Thành phố Hà Nội;*
- *Cục THADS thành phố Hà Nội;*
- *Lưu VP, hồ sơ vụ án.*

**T/M Hội đồng xét xử
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Nguyễn Thị Thanh Huyền